

Số: /BC- SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN); thực hành tiết kiệm (THTK), chống lãng phí (CLP) giai đoạn 2016-2021 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở, ngành, đơn vị, địa phương mình.

Trong niên độ báo cáo, Sở Nông nghiệp đã ban hành các văn bản sau:

- Văn bản số: 149/SNNPTNT-TCCB ngày 15/01/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2018; 1503/SNNPTNT-TTr ngày 20/5/2021 quy định chế độ báo cáo định kỳ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ; 58/SNNPTNT-TCCB ngày 08/01/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020; 3738/SNNPTNT-TTr ngày 18/10/2021 về việc thực hiện giải pháp nâng cao chỉ số PAPI - Mục tiêu kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; 3840/SNNPTNT-TTr ngày 22/10/2021 về việc thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích theo Luật PCTN; 4767/SNNPTNT-TTr ngày 22/12/2021 về việc tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.

- Chương trình số 01/CT-SNNPTNT ngày 31/3/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác trọng tâm phòng, chống tham nhũng năm 2016 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Ninh Thuận.

- Kế hoạch số: 26/KH-SNNPTNT ngày 08/3/2018 về thực hiện các kiến nghị của Đoàn công tác số 6 BCD Trung ương về phòng, chống tham nhũng; 49/KH-SNNPTNT ngày 23/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện công tác phòng, chống tham

những đến năm 2020; 33/KH-SNNPTNT ngày 21/3/2018 về thực hiện Chương trình công tác lãnh đạo, chỉ đạo PCTN năm 2018 của Tỉnh ủy; 16/KH-SNNPTNT ngày 19/02/2019 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức; 33/KH-SNNPTNT ngày 19/3/2019 về thực hiện Chương trình công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng năm 2019; 38/KH-SNNPTNT ngày 25/3/2019 về triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung (năm 2018); 55/KH-SNNPTNT ngày 15/5/2019 về thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; 68/KH-SNNPTNT ngày 18/7/2019 triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2019 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; 30/KH-SNNPTNT ngày 16/3/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; 04/KH-SNNPTNT ngày 08/01/2020 về thực hiện Công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt” theo Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của ban Thường vụ Tỉnh ủy; 47/KH-SNNPTNT ngày 10/4/2020 về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021; 41/KH-SNNPTNT ngày 01/4/2020 về thực hiện Chương trình cải cách tư pháp năm 2020; 90/KH-SNNPTNT ngày 09/12/2019 về triển khai công tác cải cách hành chính trong năm 2020; 07/KH-SNNPTNT ngày 15/01/2020 về kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020; 42/KH-SNNPTNT ngày 26/3/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; 44/KH-SNNPTNT ngày 11/5/2021 triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2021 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; 55/KH-SNNPTNT ngày 07/5/2021 thực hiện Chương trình công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí 2021 của Tỉnh ủy; 08/KH-SNNPTNT ngày 11/01/2021 về việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2020; 32/KH-SNNPTNT ngày 11/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 trong toàn ngành; 98/KH-SNNPTNT ngày 01/11/2021 tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở, ngành, đơn vị, địa phương mình

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

Về công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước về PCTN được cấp ủy, chính quyền triển khai thông qua hình thức tổ chức hội nghị mời báo cáo viên chuyên đề, thực hiện lồng ghép vào các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết cơ quan, Đảng, Đoàn, hội nghị chuyên đề, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, các cuộc họp, sinh hoạt “Ngày pháp luật” để quán triệt, phổ biến cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nắm bắt và thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng, đồng thời gắn công tác quán triệt, phổ biến pháp luật với “Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” về THPTK, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Thể hiện ở một số hoạt động cụ thể như: Đảng bộ mở các lớp học tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Tiếp tục

thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) về tăng cường, xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 22/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí đến năm 2020; Học tập, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu loạn gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt”. Thông qua nghiên cứu, học tập, quán triệt đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

2.2. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên cập nhật và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành về PCTN, văn bản chỉ đạo điều hành của cấp trên, đồng thời có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện như: 1809/SNNPTNT-TTr ngày 27/6/2019 về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 164-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 2245/SNNPTNT-TTr ngày 16/8/2019 quy định chế độ báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng theo nội dung Hướng dẫn số 04-HD/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 2287/SNNPTNT-TTr ngày 21/8/2019 về việc tổ chức triển khai thực hiện văn bản số 4086-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường rà soát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng; 688/SNNPTNT-TTr ngày 12/3/2021 triển khai thực hiện Thông tư số 58-TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết công tác PCTN giai đoạn 2013-2020; 3120/SNNPTNT-TTr ngày 08/9/2021 về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN, THPT, CLP qua kiến nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra báo cáo công tác PCTN, THPT, CLP 06 tháng đầu năm 2021 và phương hướng 06 tháng cuối năm 2021; 4392/SNNPTNT-TTr ngày 29/11/2021 về việc tăng cường công tác phối hợp nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành các bản án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

Về tổ chức hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm Văn phòng Sở và 15 đơn vị trực thuộc, gồm: 07 Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Kiểm lâm, Thủy sản, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

Thủy lợi và Chi cục Phát triển nông thôn; 03 Trung tâm: Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Khuyến nông và Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; 04 Ban quản lý Rừng: Tân Giang, liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu, Krôngpha và ven biển Thuận Nam; 01 Ban quản lý Khai thác các Cảng cá. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác về phòng, chống tham nhũng; nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo về công tác PCTN do Thanh tra Sở thực hiện và phối hợp cùng các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở tham mưu lãnh đạo Sở về công tác PCTN theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Không có

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Văn phòng Sở và các đơn vị thực hiện nghiêm túc quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Thường xuyên rà soát, thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết và niêm yết công khai tại trụ sở, thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu có liên quan đến các lĩnh vực thực hiện; đăng tải trên trang thông tin điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức và nhân dân theo dõi thực hiện.

Đảm bảo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí, quản lý chế độ mua sắm tài sản công, tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, kinh phí tiếp khách, chấp hành quy chế của cơ quan đối với CBCCVC; việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp theo đúng quy định và công khai, minh bạch về tài chính trong toàn thể cơ quan, đơn vị tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Căn cứ Quyết định phân bổ, giao dự toán thu chi ngân sách của UBND tỉnh, Giám đốc Sở ban hành quyết định phân bổ dự toán thu chi và công khai số liệu dự toán và quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, niêm yết công khai tại cơ quan và thông tin trên mạng nội bộ, Trang thông tin điện tử của Sở, thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Về công tác tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức; quy trình, quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện công khai, minh bạch. Chỉ tiêu biên chế, đối tượng tuyển dụng, hình thức, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được thông báo thông qua nhiều hình thức.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, qua đó đóng góp ý kiến bổ sung, điều chỉnh hoàn thiện các quy chế, trong đó có quy chế chi tiêu nội bộ để áp dụng. Về cơ bản hàng năm các đơn vị đã thực hiện việc xây dựng, ban hành mới quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ phù hợp với quy định của các văn bản quản lý, sử dụng tài chính hiện hành của Nhà nước và văn bản của UBND tỉnh ban hành về chế độ công tác phí, tổ chức hội nghị, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức... Các đơn vị đều thực hiện nghiêm túc chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo đúng quy định và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Thực hiện đúng các quy định về việc tặng quà, nhận quà, từ chối nhận quà tặng và nộp lại quà tặng.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công nghệ, các đơn vị đã triển khai xây dựng quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho CBCCVC nhằm nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ, tạo môi trường lành mạnh trong quá trình làm việc. Hầu hết các đơn vị trong ngành đã ban hành quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, đồng thời quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc việc ứng xử trong giao tiếp, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh công sở, đạo đức thi hành công vụ. Toàn ngành tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế văn hóa công sở tại cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương, Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tiếp tục triển khai công văn số 3839/UBND-NV ngày 13/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quy chế văn hóa ứng xử tại các cơ quan hành chính nhà nước. Kết quả đến nay 100% các cơ quan, đơn vị trong ngành đã thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, giao tiếp làm việc, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh công sở. Qua quá trình thực hiện, không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo).

Trên tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 32/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn; Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 158/2007/NĐ-CP về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; nhất là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ đã ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai chỉ đạo đến các đơn vị trực thuộc, thông qua các Hội nghị sơ, tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ chung của toàn ngành đề lồng ghép chỉ đạo triển khai, quán triệt các văn bản nêu trên.

Về số lượng công chức, viên chức toàn ngành được chuyển đổi vị trí công tác từ năm 2016 đến 31/12/2021 gồm 166 trường hợp (2016: 39 trường hợp, 2017: 05 trường hợp, 2018: 61 trường hợp, 2019: 17 trường hợp, 2020: 13 trường hợp, năm 2021: 31 trường hợp) thuộc các lĩnh vực: Kiểm lâm, thú y, thủy sản, quản lý rừng phòng hộ, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản ...

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

- Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức và các chức danh trưởng, phó phòng. Kết quả kê khai tài sản, thu nhập qua các năm như sau: Năm 2016: 484 người, năm 2017: 495 người, năm 2018 số người kê khai 387 người; trong kỳ chưa phát hiện trường hợp nào kê khai bất minh về tài sản, thu nhập, đơn tố cáo về việc kê khai tài sản không trung thực cần phải thẩm tra, xác minh. Hàng năm, việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành đều tổ chức triển khai thực hiện, rà soát bổ sung theo quy định hướng dẫn và yêu cầu của các cấp, đều có báo cáo tổng hợp gửi về Thanh tra tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy đính kèm các bản kê khai thuộc diện Tỉnh ủy quản lý. Hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập được lưu trữ tại phòng Tổ chức Cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 và Công văn số 130/TTT-PCTN ngày 03/3/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn lập danh sách, giao nhận Bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu của năm 2020. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SNNPTNT ngày 11/01/2021 về việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2020 đối với cơ quan Sở; Kế hoạch số 32/KH-SNNPTNT ngày 11/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 trong toàn ngành; Văn bản số 58/SNNPTNT-TCCB ngày 08/01/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 đối với các đơn vị trực thuộc; Biên bản ngày 17/02/2021 về việc niêm yết công khai danh sách CCVC kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và Biên bản ngày 04/3/2021 về việc kết thúc việc niêm yết công khai

danh sách kê khai tài sản, thu nhập tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT. Tổng số người đã kê khai và công khai theo hình thức niêm yết tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là **347** người, hồ sơ đã bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Qua công tác tổ chức kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền, văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc Sở theo Kế hoạch số 83/KH-SNNPTNT ngày 14/9/2021 và Quyết định số 428/QĐ-SNNPTNT ngày 07/10/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã lồng ghép kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của 05 đơn vị thuộc Sở, gồm các Chi cục: Kiểm lâm, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản và Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và Ban quản lý Khai thác các cảng cá.

- Năm 2021, thực hiện văn bản số 6156/UBND-TCĐNC ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hằng năm của năm 2021; Công văn số 884/TTT-PCTN ngày 29/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn một số nội dung kê khai tài sản, thu nhập của năm 2021. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành văn bản số 4406/SNNPTNT-TCHC ngày 30/11/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập bổ sung, hằng năm của năm 2021 và xây dựng Kế hoạch số 109/KH-SNNPTNT ngày 07/12/2021 về việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2021; đồng thời có Báo cáo số 997/BC-SNNPTNT ngày 20/12/2021 kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2021 và Thông báo số 987/TB-SNNPTNT ngày 16/12/2021 về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; trong đó:

+ Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập: 16/16;

+ Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm/ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm: 229/229 người;

+ Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung/ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung: 02/02 người;

+ Số người phải kê khai tài sản thu nhập lần đầu/ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu: 03/03 người (đây là những trường hợp mới được tuyển dụng vào 02 đơn vị: Chi cục Chăn nuôi và Thú y (02 người), Ban Quản lý rừng phòng hộ Krông pha (01 người));

+ Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và đã được niêm yết công khai tại đơn vị: 234 bảng kê khai.

Các Bản kê khai tài sản đối với cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được gửi đến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo văn bản số 1574/SNNPTNT-TCHC ngày 11/5/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Không có

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính

Hàng năm Sở đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính triển khai đến các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc để thực hiện. Đã thực hiện cơ chế một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc.

Công tác tiếp nhận, xử lý, hồ sơ được thực hiện nhanh gọn, chính xác; 100% văn bản đến, đi đều được quản lý và kiểm tra; văn bản phát hành được chuyển lưu trữ hàng ngày trên mạng và giao hồ sơ, giấy tờ hàng tuần. CBCC sử dụng thành thạo, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong xử lý công việc hàng ngày, 100% CBCC thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đều được trang bị 01 máy tính riêng; vận hành ổn định phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office) trong quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản nên 100% văn bản được tiếp nhận, xử lý có thời hạn và được quản lý chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra.

Đối với Văn phòng Sở và các Chi cục là loại hình cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; đã thực hiện trả lương qua tài khoản. Còn lại các đơn vị khác thuộc ngành là loại hình đơn vị sự nghiệp, thực hiện việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, khoán chi theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; các đơn vị đã thực hiện trả lương qua tài khoản.

Nhìn chung, về công tác cải cách hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, các nội dung về cải cách hành chính được tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo cơ chế một cửa đạt hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn; kỷ cương hành chính được tăng cường; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công theo cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính tạo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế, tài chính góp phần thay đổi phương thức quản lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Đến nay toàn ngành đã áp dụng Chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Phần mềm TD Office), phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp MISA Mimosa, IMas; trao đổi thông tin qua hệ thống mạng nội bộ.

Văn phòng Sở đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đã đem lại hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính, tạo sự thống nhất trong trao đổi thông tin, kiểm tra, kiểm soát việc xử lý công văn giấy tờ và trách nhiệm cụ thể với cơ quan, cá nhân có liên quan.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Việc sử dụng hình thức thanh toán, trả lương qua tài khoản giúp cơ quan quản lý kiểm soát được các hoạt động chi tiêu của các cơ quan nhà nước, giảm lượng tiền mặt trong lưu thông, tiết kiệm chi phí in ấn, vận chuyển, an toàn trong giao dịch, tránh rủi ro trong lưu hành; đặc biệt là việc ngăn chặn, hạn chế các giao dịch tiền mặt bất hợp pháp như các hoạt động giao dịch ngầm, rửa tiền, tham ô, hối lộ.

Chúng tôi thanh toán chặt chẽ, có sự giám sát từ phía kho bạc, có biểu mẫu xác nhận giữa kho bạc và ngân hàng nên bảo đảm được tính minh bạch và chính xác trong mỗi giao dịch.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng: Không có

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Không có

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có

4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành, đơn vị, địa phương: Trong kỳ báo cáo không có trường hợp nào vi phạm.

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra

Trong giai đoạn 2016-2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành 14 cuộc thanh tra hành chính. Qua thanh tra hành chính, đã phát hiện và kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 91.497.500 đồng. Trong đó:

- Đối với số tiền 43.308.500 đồng, gồm: chi phụ cấp lâu năm, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm không đúng quy định là 39.288.500 đồng; chi công tác phí khoán cho công chức không thuộc đối tượng được hưởng khoán công tác phí được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị là 2.400.000 đồng và chi công tác phí không đúng quy định là 1.620.000 đồng.

- Đối với số tiền 48.189.000 đồng, trong đó: số tiền thanh toán điện thoại cá nhân của ông Trần Văn Tuấn: 37.450.000 đồng (nguồn kinh phí văn phòng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn) và số tiền chi tiếp khách: 10.739.000 đồng (nguồn kinh phí quản lý dự án).

Trong kỳ không có đơn vị nào, cá nhân nào trong ngành để xảy ra hành vi tham nhũng. Tuy nhiên, trong quá trình thanh tra thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quản lý, sử dụng tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản còn để một số tồn tại,

sai sót đã được các Đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị, qua đó Sở đã chỉ đạo các đơn vị có tồn tại, thiếu sót tiếp thu và nghiêm túc khắc phục tồn tại, thiếu sót các nội dung kiến nghị theo kết luận của Đoàn thanh tra.

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong kỳ qua giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, không có trường hợp vi phạm tham nhũng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra: 08 cuộc; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: 08 đơn vị;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị: 08 cuộc; đã ban hành kết luận: 08.

5.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: 0/8;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Không;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không có

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình: Không có

- Tóm tắt nội dung vụ việc, nêu rõ số lượng cán bộ, công chức thanh tra bị xử lý kỷ luật do có hành vi tham nhũng;

- Báo cáo số cán bộ, công chức thanh tra bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra; giá trị tài sản tham nhũng, kết quả thu hồi như thế nào.

7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN: Không

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phổ biến các văn bản quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI; Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ chính trị khóa XI về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến các Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động với hình thức thông qua các cuộc họp cơ quan, đăng lên mạng nội bộ của đơn vị.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện. Định kỳ hằng năm Sở xây dựng Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí triển khai đến các đơn vị tổ chức quán triệt và thực hiện các văn bản quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cụ thể như: Chủ trương đường lối của Đảng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Sau khi Sở chỉ đạo, các đơn vị đã triển khai cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức trong toàn ngành. Công tác tổ chức quán triệt, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cụ thể như sau:

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền bằng văn bản sao gửi đến các đơn vị và thông qua tại các cuộc họp Chi bộ, cơ quan, giao ban định kỳ. Thủ trưởng các đơn vị phối hợp với BCH Công đoàn cơ sở tổ chức họp phổ biến, quán triệt đến tất cả cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị. Hàng năm Sở ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Nội dung tuyên truyền: Căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tuyên truyền; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm đưa việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực sự trở thành ý thức tự giác của mỗi người. Nhìn chung, các cấp Ủy Đảng trong toàn Ngành đều quán triệt, nhận thức đúng đắn và nghiêm túc thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, ra sức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đối tượng tham gia: Toàn thể Lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành được tham gia.

- Định kỳ các đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là việc sử dụng ngân sách nhà nước trong chi thường xuyên, mua sắm trang thiết bị, dự án đầu tư, tiến độ và thanh quyết toán trong xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập thẩm định, phân bổ, điều chỉnh và giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước: Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Hàng năm thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định giao dự toán của UBND tỉnh giao. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định (trên cơ sở có ý kiến thẩm tra của Sở Tài chính) và ban hành các Quyết định phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc ngành quản lý đảm bảo khớp đúng dự toán được HĐND và UBND tỉnh giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi. Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc năm 2021, nhiệm vụ chuyển tiếp đảm bảo phù hợp với tiến độ và khả năng giải ngân, phần kinh phí còn lại mới mới phân bổ cho các nhiệm vụ mới năm 2021(chi sự nghiệp kinh tế) đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Thường xuyên chỉ đạo điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác tài chính ngân sách đối với các đơn vị dự toán thuộc ngành quản lý.

- THPTK, CLP trong công khai dự toán ngân sách: Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc thực hiện chế độ công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiêm túc chế độ công khai dự toán theo quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.

- THPTK, CLP trong công khai Quyết toán ngân sách nhà nước: Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- THPTK, CLP trong việc xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc trong việc xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở xin ý kiến tại hội nghị cán bộ công chức, viên chức và bám sát các quy định của Nhà nước về các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn định mức đã được ban hành. Phát huy tinh thần tập trung, dân chủ, tập thể...

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công bám sát quy định của Nhà nước.

- THPTK,CLP trong công tác PCTN: Công tác THPTK, CLP trong công tác PCTN được chú trọng chỉ đạo, điều hành trong toàn ngành thực hiện tốt việc xây

dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm bám sát chỉ đạo của cấp trên ngay từ đầu năm kế hoạch.

- Phương án tiết kiệm các khoản chi thường xuyên: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc thực hiện triệt để tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo quy định để tạo nguồn CCTL, đẩy mạnh khoán chi hành chính, hạn chế các cuộc họp không cần thiết, thực hiện lồng ghép các nội dung, công việc cần xử lý.

Cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại của năm 2021 và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021 theo Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời cắt giảm 02 đợt để phục vụ phòng, chống dịch covid-19 theo Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 22/9/2021; Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

- Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách sửa đổi năm 2015, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai đến các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thuộc ngành và tổng hợp thành Kế hoạch đầu tư của ngành để gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để bố trí vốn cho địa phương. Quá trình thực hiện luôn tuân thủ quy trình và thời gian quy định, việc phân bổ vốn tương đối kịp thời sau khi được Trung ương bố trí giao kế hoạch vốn cho địa phương.

- Tổng vốn bố trí giai đoạn 2016-2021 (các dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư) là 1.343.198 triệu đồng, trong đó: Ngân sách địa phương: 164.264 triệu đồng; Chương trình mục tiêu (NSTW): 814.054 triệu đồng; Vốn nước ngoài: 364.880 triệu đồng. Các công trình, dự án đã hoàn thành đúng tiến độ, tỷ lệ giải ngân đạt 100% kế hoạch giao và phát huy hiệu quả đầu tư, đảm bảo kích thích cho nền kinh tế tỉnh nhà phát triển, góp phần giảm nghèo, nâng cao đời sống, thu nhập của người dân địa phương.

4. Quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia

- Việc rà soát, tích hợp các chế độ, chính sách giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình: nguồn vốn của các CTMTQG (Nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển lâm nghiệp bền vững...) góp phần quan trọng vào thực hiện chế độ, chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020 như: Kinh tế nông thôn tăng trưởng và chuyển mạnh theo hướng công nghiệp-dịch vụ; ngành nông nghiệp đang chuyển

đổi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, hình thành nhiều vùng nông nghiệp chuyên canh phát huy lợi thế của địa phương, vùng, miền; hợp tác xã đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, liên kết hộ nông dân với hộ nông dân, kết nối giữa nông dân với doanh nghiệp, là tác nhân liên kết trong chuỗi giá trị.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng các quy định của Luật ngân sách và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Quản lý, sử dụng tài sản công

- Quản lý, sắp xếp lại nhà, đất công vụ, trụ sở làm việc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi Sở Tài chính xem xét thẩm định phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công của ngành theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ quy định về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2021. Đồng thời, hàng năm triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của toàn ngành theo quy định.

- Mua sắm, quản lý, sử dụng máy móc, phương tiện đi lại, đầu tư trang thiết bị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng tập trung theo quy định đối với tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 01/3/2018; Quyết định 853/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh. Đối với phương tiện đi lại, Sở đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng trình tự thủ tục từ xin chủ trương đến thực hiện mua sắm theo quy định.

6. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

6.1. Kết quả rà soát sắp xếp các cơ quan hành chính thuộc Sở

a) Trên cơ sở Kế hoạch số 61-KH/ĐUSNNPTNT và 62-H/ĐUSNNPTNT, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh; trong đó, cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Chi cục vẫn giữ nguyên: Cơ quan Sở có 06 phòng chuyên môn và 07 Chi cục thuộc Sở.

b) Thực hiện Công văn số 1927/UBND-VXNV ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về tiếp tục triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy các tổ chức cấu thành bên trong các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp trực

thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án tổ chức lại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 06/7/2021, kết quả được sắp xếp lại cụ thể như sau:

- Cơ quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: còn lại 04 phòng chuyên môn (giảm 02 phòng chuyên môn, đạt 33,3%), cụ thể:

+ Thanh tra Sở

+ Phòng Tổ chức - Hành chính (trên cơ sở hợp nhất Phòng Tổ chức - Cán bộ và Văn phòng Sở);

+ Phòng Quản lý chuyên ngành (trên cơ sở hợp nhất Phòng Khoa học, công nghệ và Phòng Quản lý xây dựng công trình)

+ Phòng Kế hoạch - Tài chính.

- Các Chi cục thuộc Sở: giữ nguyên 07 Chi cục, cụ thể:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

+ Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản, thủy sản;

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y;

+ Chi cục Kiểm lâm;

+ Chi cục Thủy sản;

+ Chi cục Phát triển nông thôn;

+ Chi cục thủy lợi.

Qua công tác sắp xếp, đã giảm 02 phòng chuyên môn thuộc Sở (đạt 33,3 %); số lượng cấp phó đơn vị giảm 04 người từ 26 người còn 22 người (đạt 15,3%); số đầu mối bên trong giảm 30 phòng chuyên môn từ 61 phòng còn 31 phòng (đạt 49,1%); số lượng lãnh đạo cấp phòng giảm 22 người từ 86 người còn 64 người (đạt 25,5%).

6.2. Kết quả sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

Trên cơ sở Kế hoạch số 61-KH/ĐUSNNPTNT và 62-KH/ĐUSNNPTNT, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức, bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 08/5/2020, kết quả được sắp xếp lại cụ thể như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập giữ nguyên:

+ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

+ Ban Quản lý khai thác các cảng cá;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam.

b) Thành lập Trung tâm Dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, hải sản cấp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và Trung tâm Giống hải sản cấp I tại Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu trên cơ sở hợp nhất Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Sắt và Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Trâu tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Việc thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Khuyến nông (sau khi bàn giao Trạm Khuyến nông về Trung tâm dịch vụ cấp huyện quản lý theo quy định) và nhiệm vụ sự nghiệp dịch vụ của Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản) chưa thực hiện được. Lý do, trong quá trình xây dựng Đề án bị vướng cơ sở pháp lý vì theo điểm d, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ có quy định điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người. Tuy nhiên hiện tại, mỗi trạm Khuyến nông và Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện chỉ có từ 07 đến 08 viên chức do đó không thể thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện, thành phố được. Do đó, Sở ban hành Tờ trình số 120/TTr-SNNPTNT ngày 07/5/2021 về việc đề nghị giữ nguyên hệ thống Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Trung tâm Khuyến nông. Vì vậy, tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 chuyển mô hình thành lập 07 Trung tâm cấp huyện thành thành lập 03 Trung tâm thuộc Chi cục và giữ lại Trung tâm Khuyến nông.

Qua công tác sắp xếp, đã giảm 02 đơn vị sự nghiệp từ 10 đơn vị còn 08 đơn vị (đạt 20%), số lượng cấp phó đơn vị giảm 06 người từ 20 người còn 14 người (đạt 30,0%); số đầu mỗi bên trong giảm 19 phòng chuyên môn từ 58 phòng còn 39 phòng (đạt 33,3%); (đạt %), số lượng lãnh đạo cấp phòng giảm 36 người từ 125 người còn 89 người (đạt 28,8%).

6.3. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế

a) Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 30/6/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy.

Theo kế hoạch số 18/KH-SNNPTNT ngày 28/4/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung thực hiện tinh giản biên chế trong 7 năm (2015 - 2021) và được cấp thẩm quyền phê duyệt là 79 trường hợp (trong đó bao gồm thực hiện tinh giản biên chế đối với Vườn quốc gia Núi chúa, Vườn quốc gia Phước Bình, Ban quản lý Khai thác các cảng cá, Trung tâm Giống Hải sản cấp I). Tuy nhiên, đến năm 2018, 02 Vườn quốc gia chuyển sang trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Khai thác các cảng cá, Trung tâm Giống Hải sản cấp I chuyển sang đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên. Do đó, biên chế của 04 đơn vị này bị cắt giảm và không còn thuộc ngành. Thực tế biên chế được Ủy ban nhân

dân tình giao cho ngành còn 579 biên chế (chỉ tiêu thực hiện tinh giản 10% biên chế của ngành còn 58 trường hợp).

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 30/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giải quyết cho 22 trường hợp được tinh giản biên chế, thực hiện đạt 37,9 % so với chỉ tiêu thực hiện tinh giản biên chế là 58 trường hợp.

Tuy nhiên, việc thực hiện tinh giản biên chế được đảm bảo theo lộ trình, đến năm 2021 thực hiện tinh giản ít nhất 10% so với biên chế được giao năm 2015 theo đúng tinh thần chỉ đạo của cấp trên, kết quả tinh giản biên chế trong giai đoạn 2015-2021, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao năm 2021 so với năm 2015 là 550/667 (giảm 117 biên chế, đạt 17,5%); trong đó:

- + Chỉ tiêu biên chế hành chính được UBND tỉnh giao năm 2021 so với năm 2015 là 265/288 (giảm 23 biên chế, đạt 8,07%).

- + Chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao năm 2021 so với năm 2015 là 285/379 (giảm 94 biên chế, đạt 24,8%).

6.4. Kết quả thực hiện thời gian lao động

- Việc tuyển dụng công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở đều căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và trong phạm vi biên chế được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, Sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức theo quy định; xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc phù hợp. Việc đào tạo nguồn lực, bố trí, sử dụng công chức, viên chức được căn cứ vào yêu cầu của vị trí công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, yêu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Việc nâng ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, chuyển ngạch, bổ nhiệm công chức, viên chức thực hiện theo đúng quy định.

- Việc sử dụng lao động, thời gian lao động dựa trên cơ sở tổ chức công việc hợp lý, khoa học, hiệu quả và gắn với công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, ngày 27/8/2021 Sở đã ban hành Công văn số 2974/SNNPTNT-TCHC để triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc chấp hành nghiêm Quyết định của UBND tỉnh về kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đồng thời Giám đốc Sở đã chỉ đạo, quán triệt Trưởng các phòng chuyên môn và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành thực hiện nghiêm các văn bản

pháp luật có liên quan về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thông qua các cuộc họp giao ban, sinh hoạt Đảng, chi bộ, Công đoàn. Theo đó, cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc Sở đã tổ chức cho 100% cán bộ, công chức, viên chức ký cam kết với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương; công khai đường dây nóng,... Qua đó, đã có nhiều chuyển biến tích cực về nhận thức và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ công chức, viên chức trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; đồng thời, lồng ghép đưa vào tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng hàng tháng, quý, năm.

7. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

7.1. Quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên rừng

Thực hiện các Nghị quyết số 16-NQ/TU, Nghị quyết số 13-NQ/TU, Chỉ thị số 32-CT/TU và Chương trình hành động số 113-CTr/TU của Tỉnh ủy và các Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác quản lý đất đai, tài nguyên rừng. Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu, trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành nhiều chương trình, kế hoạch và giải pháp để thực hiện tốt quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên rừng. Đồng thời tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến nhằm quán triệt và thống nhất nhận thức trong toàn ngành. Giai đoạn 2016-2021 đã tập trung phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các ngành chức năng tổ chức 775 buổi tuyên truyền với 54.291 lượt người tham gia; tổ chức hội thi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với 01 hội thi cấp tỉnh, 8 hội thi cấp huyện; tổ chức 118 đợt tuyên truyền bằng xe loa lưu động; vận động 4.691 hộ dân ký cam kết không vi phạm lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng.

7.1.1. Kết quả thực hiện

7.1.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của từng lĩnh vực đến năm 2021

- Theo kết quả Công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, theo đó tổng diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2021 là 199.895,62 ha; trong đó: Diện tích đất có rừng là 159.342,08 ha (bao gồm: rừng tự nhiên 146.654,49 ha; rừng trồng đã thành rừng: 10.542,72 ha và rừng trồng chưa thành rừng: 2.144,87 ha); Diện tích đất chưa có rừng là 40.553,54

ha (bao gồm: đất trồng có cây gỗ tái sinh: 4.309,06 ha; diện tích khác: 36.244,48 ha).

- Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đến cuối năm 2021 là 46,85%

7.1.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp

a) Về công tác quy hoạch ba loại rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng

* Về công tác quy hoạch ba loại rừng

Tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020; theo đó tổng diện tích quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 là 198.126,98 ha và đến năm 2025 là 190.957,71 ha.

Toàn bộ diện tích trên được giao cho 08 đơn vị chủ rừng lâm nghiệp, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, UBND các xã, lực lượng vũ trang và các tổ chức khác quản lý.

* Về công tác theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng

Tổng diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2021 (theo Quyết định 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021) là 199.895,62 ha; trong đó:

- Diện tích đất có rừng là 159.342,08 ha (bao gồm: rừng tự nhiên 146.654,49 ha; rừng trồng đã thành rừng: 10.542,72 ha và rừng trồng chưa thành rừng: 2.144,87 ha)

- Diện tích đất chưa có rừng là 40.553,54 ha (bao gồm: đất trồng có cây gỗ tái sinh: 4.309,06 ha; diện tích khác: 36.244,48 ha).

* Bàn giao diện tích đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2021-2025 về cho địa phương quản lý, lập kế hoạch sử dụng đất nhằm ổn định sản xuất

Quy hoạch chuyển ra ngoài 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025 theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND giao về cho địa phương quản lý sản xuất nông nghiệp là 8.057,03 ha. Trong đó:

- Đối với diện tích đất nông nghiệp 4.118,66 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2020 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 và Quyết định số 276/QĐ-UBND ngành Nông nghiệp đã hoàn thành bàn giao về cho địa phương quản lý, lập kế hoạch sử dụng đất nhằm ổn định sản xuất.

- Đối với diện tích đất nông nghiệp 3.938,37 ha điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 43/2017 và Quyết định số 199/QĐ-UBND, trong đó:

+ Diện tích đã hoàn thành bàn giao về cho địa phương quản lý là 3.807,30 ha (riêng huyện Ninh Hải do diện tích đất rừng đặc dụng là 79,39 ha nên cần phối hợp với Sở Tài nguyên thống nhất trước khi bàn giao);

+ Diện tích 51,68 ha không thực hiện bàn giao cho địa phương mà giao cho chủ rừng tiếp tục quản lý (trong đó 51,10 ha đạt tiêu chí thành rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng theo tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 và 0,58 ha nằm trong phạm vi thực hiện dự án Đập phụ 4).

b) Về kết quả chuyển mục đích sử dụng đất

Ngành Nông nghiệp phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị địa phương liên quan thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo nguồn lực phát triển đúng theo quy định của pháp luật. Kết quả cụ thể như sau:

- Từ năm 2016 đến năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng sang mục đích khác với diện tích là 1.028,274 ha/34 dự án.

c) Về chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

- Phát triển, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ (trồng nho, táo mãng tây xanh theo hướng VietGAP, hữu cơ, trồng dưa lưới trong nhà màng); mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện ứng phó BĐKH (cánh đồng lớn, sản xuất lúa 1 phải 5 giảm, tưới tiết kiệm,..); mô hình sử dụng nước tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước như tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt trên cây nho, cây táo, tưới luân phiên giữa các hệ thống và trong hệ thống thủy lợi cho cây lúa,...; mô hình phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, kiểm soát, khống chế dịch bệnh, phát triển đàn theo mô hình trang trại; quy hoạch các khu nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo nhu cầu nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến.

- Trong sản xuất rau quả an toàn, đã tổ chức tập huấn cho 1.400 nông dân tham gia về quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trên một số cây trồng như: nho, táo, rau, ... Trong giai đoạn năm 2017 - 2020 đã phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện theo quy trình sản xuất tốt và được cấp chứng nhận được hơn 1.200 ha, trong đó ngân sách hỗ trợ 923 ha.

7.1.1.3. Về quản lý tài nguyên rừng

* Phát triển rừng và làm giàu từ rừng

Thông qua các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, dự án JICA II, dịch vụ môi trường rừng, ... giai đoạn 2014-2020 trồng được 3.252,73 ha rừng tập trung; khoanh nuôi tái sinh được 18.712,26 lượt ha rừng tự nhiên; giao khoán bảo vệ rừng 326.421,24 lượt ha (Trong đó: khoán cho cộng đồng dân cư là 227.296,06 lượt ha, khoán cho lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn tỉnh là 99.125,18 lượt ha), cấp phát 1.459,66 ngàn cây giống chất lượng cao trồng phân tán trong khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp, ... qua đó khai thác

có hiệu quả nguồn vốn từ các dự án. Ngoài ra, đã triển khai cho các đơn vị chủ rừng thực hiện các mô hình Nông-Lâm kết hợp, kết quả đã thực hiện được 15 ha mô hình trồng cây hỗn giao cây Điều và cây ăn quả, 15 ha mô hình cây Lim trồng phục hồi trên đất nương rẫy từ vốn Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, các mô hình kết hợp với chăn nuôi dưới tán rừng (trích từ tiền nhận khoán bảo vệ rừng mua dê, bò giống), đã mang lại thu nhập đáng kể cho người dân.

Trong giai đoạn 2016-2021, tổng diện tích rừng thực hiện giao khoán bảo vệ là 396.819,02 lượt ha. Diện tích rừng giao khoán bảo vệ theo các chương trình dự án sau: Khoán bảo vệ rừng theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg 32.600 lượt ha; Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP 44.203,91 lượt ha; Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 245.989,90 lượt ha; Dịch vụ môi trường rừng 41.477,21 lượt ha; Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2) 19.964,00 lượt ha; Dự án Trồng mới, phục hồi và kết hợp quản lý bảo vệ rừng chống xâm thực bờ biển thuộc địa bàn các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020 (Dự án SP-RCC) 12.584,00 lượt ha.

- Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ: 3.723,88 ha với các dự án, chương trình như sau: Dự án JICA2 1.094,26 ha; Dự án SP-RCC 234,83 ha; Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Dự án Phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng sản xuất): 1.193,79 ha; Trồng rừng thay thế, khắc phục: 1.201 ha.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: 23.109,26 ha rừng. Trong đó khoanh nuôi có trồng bổ sung là 12.996 ha, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên là 10.113,26 ha. Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 18.037,26 lượt ha (Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên: 5.041,26 ha; Khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung cây lâm nghiệp: 12.996 ha); Dự án JICA2: Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên 2.588 lượt ha; Dự án SP-RCC: Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên 2.484 lượt ha.

- Hỗ trợ trồng cây phân tán: Đã cấp phát 1.787,74 ngàn cây giống chất lượng cao trồng phân tán. Trong đó từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững hỗ trợ 1.614,79 ngàn cây và Dự án SP-RCC cấp 172,95 ngàn cây.

* Ngăn chặn xu hướng suy giảm tài nguyên rừng

Trong giai đoạn 2016-2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm phối hợp với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng, lực lượng công an, quân đội, dân quân tự vệ và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, truy quét tại các vùng giáp ranh, khu vực trọng điểm phá rừng và các trục lộ giao thông trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 3.093 vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp (trong đó: vi phạm quy định quản lý rừng, sử dụng rừng 281 vụ, vi phạm quy định phát triển rừng bảo vệ rừng 263 vụ, vi phạm quản lý lâm sản 2.549 vụ). Tổng số vụ đã xử lý 2.714 vụ (hành sự 12 vụ, hành chính 2.702 vụ). Tổng diện tích thiệt hại do phá rừng và lấn chiếm đất rừng 128,878 ha. Tịch thu 1.228,46m³ gỗ (gỗ tròn 469,24m³, gỗ xẻ 433,07m³); ô tô, máy kéo 05 chiếc, xe máy 815 chiếc. Thu nộp ngân sách 8,033 tỷ đồng.

7.1.1.4. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực đất đai, trong công tác quản lý bảo vệ rừng

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, Thanh tra Sở thực hiện tổ chức thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ rừng tại các đơn vị trực thuộc, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng; sử dụng kinh phí phòng cháy, chữa cháy rừng, chống phá rừng theo Quyết định số 27/QĐ-CCKL, ngày 26/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm về việc thành lập Tổ Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng; sử dụng kinh phí phòng cháy, chữa cháy rừng, chống phá rừng.

- Thực hiện Thanh tra chuyên ngành theo Quyết định số 172/QĐ-CCKL ngày 19/02/2021 về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các vụ phá rừng, lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2016 đến năm 2020; Quyết định số 1186/QĐ-CCKL ngày 12/11/2020 về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp tại Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam và Ban quản lý rừng phòng hộ KrôngPha; Quyết định thanh tra số 1259/QĐ-CCKL ngày 24/9/2019 về việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ rừng trồng sau đầu tư đã được bàn giao thuộc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng và Chương trình trồng rừng thay thế của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến và Ban quản lý VQG Núi Chúa; Quyết định thanh tra số 111/QĐ-CCKL ngày 05/9/2018 về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giao khoán bảo vệ rừng theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn và Ban quản lý rừng PHVB Thuận Nam; Quyết định số 428/QĐ-SNNPTNT ngày 10/11/2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về thực hiện nhiệm vụ trồng rừng thay thế tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu...

- Thành lập đoàn kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng tại các huyện và đơn vị chủ rừng theo Phương án đã được phê duyệt hàng năm.

7.1.1.5. Đánh giá chung

a) Những mặt đạt được

Thực hiện các Nghị quyết số 16-NQ/TU, Nghị quyết số 13-NQ/TU, Chỉ thị số 32-CT/TU và Chương trình hành động số 113-CTr/TU của Tỉnh ủy nhận thức của cấp ủy, cán bộ, đảng viên, công chức ngành Nông nghiệp từng bước được nâng lên.

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp nằm trong 3 loại rừng được quản lý, bảo vệ, ngăn chặn và hạn chế tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phòng cháy, chữa cháy rừng được triển khai sâu rộng từ tỉnh đến huyện, xã. Công tác phát

triển lâm nghiệp ngày càng quan tâm, đầu tư, mang lại những hiệu quả và giá trị thiết thực, giúp duy trì và nâng cao độ che phủ rừng, tạo điều kiện phát triển dân sinh mang lại thêm thu nhập cho người dân, từng bước gắn chặt quyền và lợi ích của người dân với hoạt động lâm nghiệp, tạo sinh kế bền vững dân cải thiện phương thức canh tác lạc hậu của người dân miền núi, góp phần tạo thêm thu nhập cho người dân.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, tinh thần chủ động của công chức, viên chức đã cơ bản thực hiện tốt công tác theo dõi biến động đất lúa, đất lâm nghiệp và công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng của tỉnh với địa phương được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, góp phần ổn định tình hình quản lý đất trồng lúa trong sản xuất nông nghiệp, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

- Công tác quản lý, sử dụng đất đai đã được UBND tỉnh và các cấp, các ngành quan tâm thực hiện theo quy định của Nhà nước. Hàng năm, HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về bổ sung danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất; UBND tỉnh ban hành các quyết định để cụ thể hóa việc thực hiện các Nghị quyết, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, làm căn cứ pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các dự án theo quy định của Luật đất đai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân tỉnh, của Ủy ban nhân dân đã xác định đúng tiềm năng lợi thế về tài nguyên, cây trồng, vật nuôi của tỉnh; ban hành các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn được triển khai kịp thời. Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Ban Chỉ huy BVR&PCCCR cấp huyện đã quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng của các đơn vị, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên rừng vẫn bộc lộ những khó khăn, thách thức, đó là:

- Đặc thù của Ninh Thuận là đất trống chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp chủ yếu là đất đồi núi, đá; đất trống cây bụi, trơ sỏi đá, rất khó khăn cho việc trồng rừng, phát triển rừng; đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến cuối năm 2020 là 201.071,42 ha, chiếm 59,92% diện tích tự nhiên, phân bố trên diện tích lớn, địa hình hiểm trở.

- Cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào dân tộc được các chủ rừng giao khoán bảo vệ rừng, tuy nhiên diện tích rừng giao khoán bảo vệ chủ yếu là rừng khộp, rừng nghèo núi đá nên thu nhập ngoài việc nhận tiền công nhận khoán bảo vệ thì việc hưởng lợi từ rừng tự nhiên xem như không có, do đó áp lực tác động vào rừng vẫn còn phức tạp; Các đối tượng phá rừng ngày càng trở nên liều lĩnh, sẵn sàng chống trả lực lượng chức năng, gây nhiều khó khăn, áp lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng.

- Khó khăn trong tiếp cận đất đai vẫn là một trong những rào cản để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; Quá trình tích tụ, tập trung đất nông nghiệp diễn ra còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung, cho phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn; đất đai manh mún đang là yếu tố cản trở người dân và doanh nghiệp đầu tư dài hạn vào nông nghiệp.

- Tài nguyên rừng vẫn còn bị khai thác trái phép, tình trạng phá rừng làm rẫy, lấn chiếm rừng vẫn còn xảy ra ở một số nơi; trách nhiệm bảo vệ rừng của chủ rừng và trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là cấp xã vẫn còn hạn chế.

- Công tác quy hoạch 03 loại rừng đã tổ chức bàn giao diện tích, ranh giới cho các đơn vị chủ quản lý theo bản đồ được phê duyệt. Tuy nhiên chưa triển khai được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại các đơn vị chủ rừng vẫn đang quản lý diện tích trên cơ sở tiếp nhận bàn giao theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018. Công tác rà soát, bóc tách diện tích đất nông nghiệp mà người dân đang sử dụng ổn định trong 03 loại rừng để lập hồ sơ quản lý theo quy định chưa thực hiện được.

- Việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa chuyển sang mục đích khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; tự ý đào, đắp, xây dựng nhà ở và các công trình trên đất nông nghiệp trái quy định của pháp luật hoặc làm ảnh hưởng đến lớp đất canh tác và biến dạng mặt đất vẫn còn diễn ra trên địa bàn tỉnh.

- Trường hợp có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa tuân thủ theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định của pháp luật; còn xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý đất đai, để phát sinh tình trạng chuyển nhượng đất, công trình xây dựng trái phép trên đất trồng lúa, đất chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại một số địa phương.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên rừng chưa thật sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị, chuyên dùng phục vụ công tác quản lý của ngành còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ cán bộ chuyên môn còn thiếu về số lượng, một số còn hạn chế về năng lực chuyên môn; nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, người dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tài nguyên rừng chưa đầy đủ, ý thức trách nhiệm chưa cao.

- Công tác phối hợp cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương chưa được đồng bộ và chưa thường xuyên; việc xử lý vi phạm pháp luật lâm nghiệp có nơi còn chậm, chưa quyết liệt.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân còn hạn chế, chưa tự giác thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

7.2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển

7.2.1. Kết quả thực hiện

a) Về quản lý đội tàu, năng lực khai thác:

- Về cấp giấy phép khai thác thủy sản: Toàn tỉnh có 2.236 tàu cá có chiều dài từ 06 mét trở lên, trong đó: Có 802 tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên, 693 tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đủ điều kiện khai thác và dịch vụ khai thác trên các vùng biển xa. Các tàu cá trên địa bàn tỉnh cơ bản luôn chấp hành tốt các chủ trương, pháp luật của Nhà nước, quy định địa phương trong khai thác đánh bắt hải sản và có ý thức cao trong bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Giấy phép khai thác thủy sản của tàu từ 15 mét trở lên đã được cấp là 802/803 tàu tỷ lệ 99,8% (còn lại 01 tàu làm nghề DVHC đang nằm bờ); Ninh Thuận đã công bố hạn ngạch Giấy phép KTTS cho tàu cá vùng ven bờ và vùng lộng (Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng ven bờ và vùng lộng tỉnh Ninh Thuận), có 909 tàu cá cấp phép hoạt động tại vùng ven bờ và 540 tàu cá cấp phép hoạt động tại vùng lộng.

- Về trang thiết bị thông tin liên lạc, giám sát hành trình: Hiện này toàn tỉnh Ninh Thuận nhóm tàu vùng lộng và vùng khơi đều trang bị đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc tầm xa và các trang thiết bị an toàn hàng hải cơ bản. Về giám sát hành trình, tỉnh Ninh Thuận có 97,7% tàu cá (775/793 tàu cá hoạt động) đang hoạt động có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá, trong đó 100% số tàu cá có chiều dài từ 24 mét trở lên đã lắp đặt xong; còn lại 26 tàu chưa lắp thiết bị giám sát hành trình (09 chiếc đang nằm bờ, 17 hư hỏng, thua lỗ chưa có khả năng tham gia khai thác, và một số khác đang làm thủ tục sang tên). Để thực hiện có hiệu quả việc giám sát tàu cá hoạt động trên biển thông qua thiết bị VMS, Chi cục Thủy sản tỉnh đã tổ chức trực ban 24/24, phối hợp với lực lượng Biên phòng, chính quyền địa phương để làm việc với chủ tàu, lập biên bản, xác định rõ nguyên nhân, lý do mất kết nối, đặc biệt chú ý nhóm tàu cá có chiều dài từ 24 m trở lên. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy trình xử lý dữ liệu giám sát hành trình tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển theo Quyết định 599/QĐ-TCTS-TTTS ngày 28/10/2019; Quy trình xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên vượt qua ranh giới cho phép trên biển theo Quyết định 575/QĐ-TCTS-TTTS ngày 21/10/2019;); Quy trình xử lý thông tin tàu cá mất tín hiệu kết nối, vượt ranh giới biển đối với tàu cá từ 15 mét đến dưới 24 mét của tỉnh kèm theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Bảo tồn nguồn lợi thủy sản trong khai thác:

- Công bố khu vực cấm và hạn chế cấm khai thác, kích thước mắt lưới cấm khai thác, ngư cụ cấm khai thác theo các quy định tại Thông tư 19/2018/TT-BNNPTNT về hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức khai thác thủy sản ven bờ theo hình thức đồng quản lý kết hợp bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản; Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác thủy sản có tính hủy diệt, xâm hại đến nguồn lợi thủy sản ven bờ, bãi đẻ, các rạn san hô. Khai thác hải sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác đến bền vững, đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản theo

đúng quy định; Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn công tác về tổ chức sản xuất, quản lý cộng đồng ngư dân học tập và xây dựng mô hình đồng quản lý. Hướng dẫn ngư dân nâng cao chất lượng giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch đến dưới 15%; đảm bảo an toàn thực phẩm cho tàu cá, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

7.2.2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU)

- Đã tổ chức tuần tra kiểm soát trên biển, lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 34 trường hợp vi phạm khai thác bất hợp pháp, thu nộp ngân sách nhà nước 103,3 triệu đồng theo Nghị định 42/2019/NĐ-CP (trong đó có 01 trường hợp tàu cá PY-95672-TS của chủ tàu Lê Tấn Bảo địa chỉ Phú Thọ 3 - Hòa Hiệp Trung - Đông Hòa - Phú Yên về hành vi "Tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá mà không có sự giám sát của đơn vị cung cấp, lắp đặt thiết bị").

- Phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh phát hiện, xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 40 vụ/40 đối tượng/49.200.000 đồng (theo Nghị định 96/2020/NĐ-CP, ngày 24/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và Nghị định 42/2019/NĐ-CP, ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản); xử lý cảnh cáo 02 tàu cá (NT 90503 TS, NT 90501 TS/xã Phước Diêm, Thuận Nam) về hành vi vượt ranh giới trên biển về phía Campuchia, yêu cầu chủ tàu cá cam kết không vi phạm.

7.2.3. Đánh giá chung

a) Những mặt đạt được

Thực hiện Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), thời gian qua các cấp, các ngành đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng nhiều giải pháp quyết liệt và đồng bộ nhằm ngăn chặn tình trạng ngư dân vi phạm IUU. Thông qua công tác tuyên truyền, ngư dân đã nhận thức được tác hại của việc vi phạm vùng biển nước ngoài. Công tác kiểm tra, kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng theo các khuyến nghị của EC đã có nhiều tiến bộ, đa phần các tàu đánh bắt xa bờ đều tuân thủ nghiêm túc việc khai báo, nộp sổ nhật ký khai thác. Tính đến nay Ninh Thuận không có tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài ở vùng biển phía Nam.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai các giải pháp chống khai thác bất hợp pháp còn gặp phải tồn tại và khó khăn sau:

- Tỉnh Ninh Thuận đã có 97,7% tàu cá lắp đặt thiết bị giám sát trên tổng số tàu cá đang hoạt động, nhưng vẫn còn một số tàu cá nằm trong diện quy định (26 tàu) chưa thực hiện việc lắp đặt VMS vì một số lý do: do tình hình dịch bệnh, một

số chủ tàu gặp khó khăn về tài chính, làm ăn thua lỗ, hư hỏng đang nằm bờ không hoạt động... trong thời gian tới sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tiếp tục vận động và có những hỗ trợ, chế tài cụ thể để các trường hợp này thực hiện việc lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá theo quy định.

- Trình độ học vấn đa phần bà con ngư dân tương đối hạn chế so với mặt bằng chung trình độ người dân do đó phần nào ảnh hưởng đến nhận thức về trách nhiệm thực hiện các quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Nhiều tàu cá kể cả chủ tàu mang số đăng ký Ninh Thuận nhưng đã di chuyển gia đình vào các tỉnh miền Nam (huyện Côn Đảo - Vũng Tàu và huyện Đảo Phú Quốc - Kiên Giang) sinh sống, tạm trú, hoạt động khai thác và thay đổi chỗ ở liên tục, rất ít khi về Ninh Thuận. Do đó công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức ký cam kết là rất khó khăn.

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan về chống khai thác IUU, đảm bảo người dân cập nhật, tiếp cận đầy đủ, kịp thời văn bản, thông tin về các quy định chống khai thác IUU. Thực hiện nghiêm chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về chống khai thác IUU "cấp xã/phường/thị trấn là nòng cốt trong việc quản lý, giáo dục, tuyên truyền người dân đối với công tác chống khai thác IUU".

- Tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng tại tất cả các cảng cá chỉ định phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc thủy sản từ khai thác, chống khai thác IUU. Tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm ngăn chặn, chấm dứt, không để xảy ra tình trạng tàu cá vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả Hệ thống giám sát hành trình tàu cá để theo dõi, quản lý chặt chẽ tàu cá hoạt động trên biển. Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý dữ liệu tàu cá qua VMS, xử phạt nghiêm các tàu cá có hành vi vi phạm khai thác IUU.

- Xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các hoạt động khai thác thủy sản vùng lộng, vùng ven bờ phù hợp với "kết quả điều tra các nghề khai thác và trữ lượng khai thác tại vùng ven bờ và vùng lộng tỉnh Ninh Thuận" đảm bảo được sản lượng khai thác bền vững; gắn phát triển khai thác với sinh kế của cộng đồng ngư dân với phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, nghề cá giải trí.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề từ các hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến biển sang bảo vệ, bảo tồn, tạo sinh kế bền vững, việc làm mới ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

8. Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Không

9. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp: Không

10. Thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2013: Không

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Sở thường xuyên chỉ đạo các đơn vị báo cáo nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí đã thực hiện tại các đơn vị; Thông qua hình thức bằng văn bản gửi đến các đơn vị và báo cáo kịp thời về Sở theo đúng thời gian.

- Thủ trưởng các đơn vị phân công cho các trưởng bộ phận phối hợp Công đoàn cơ sở, Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Xử lý vi phạm về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Không

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong các năm qua, công tác phòng, chống tham nhũng trong ngành luôn được Cấp ủy, lãnh đạo Sở và các đơn vị trực thuộc quan tâm chỉ đạo, từ đó có bước chuyển biến tích cực, trong ngành không xảy ra tham nhũng; hầu hết các Cấp ủy, thủ trưởng đơn vị đã chủ động hơn trong kiểm tra, thanh tra phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực. Công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản về phòng, chống tham nhũng luôn được Lãnh đạo Sở và thủ trưởng các đơn vị quan tâm. Hàng năm, ngành Nông nghiệp và Phát triển đều xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng, triển khai đến tất cả các đơn vị trực thuộc để thực hiện. Các biện pháp phòng ngừa được các đơn vị triển khai thực hiện thường xuyên, đồng thời xây dựng các tiêu chí thi đua, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, tăng cường công tác kiểm tra, công khai, minh bạch trong hoạt động của các đơn vị, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, kê khai tài sản, thu nhập, gắn với việc tiết kiệm chống lãng phí... đã nâng cao nhận thức CBCCVC trong toàn ngành, ngăn ngừa vi phạm tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Công tác cải cách thủ tục hành chính, tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa” tại Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc, đánh giá định kỳ việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 trong thực hiện thủ tục hành chính đã khắc phục những thiếu sót, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính cho thấy sự chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải quyết công việc liên quan đến các tổ chức, cá nhân đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, giảm phiền hà đối với các tổ chức và nhân dân đến giao dịch thực hiện các thủ tục hành chính. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trong toàn ngành.

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị trong Sở thời gian qua đã có chuyển biến tích cực; Nhận thức và hành động của cán bộ công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước được nâng cao. Lãnh đạo các đơn vị đã xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của ngành, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn.

Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó cần tập trung: Học tập, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức để thực hiện có hiệu quả hơn; Rà soát, bổ sung các biện pháp về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị trực thuộc ngành; Bàn bạc dân chủ, công khai các hoạt động có liên quan đến tài chính của từng đơn vị; Tăng cường công tác tổ chức, kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh đối với cán bộ công chức, viên chức vi phạm luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời biểu dương khen thưởng đối với viên chức thực hiện tốt quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi, chuyển tải các thông tin giữa các đơn vị trực thuộc. Trong quá trình chỉ đạo triển khai học tập quán triệt Nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động của Tỉnh ủy, Đảng ủy cấp trên.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức trong Sở gương mẫu thực hiện tốt việc học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

2. Các tồn tại, hạn chế

- Số lượng đơn vị trực thuộc Sở nhiều và đóng phân tán rộng khắp các địa bàn trong tỉnh, nên việc chỉ đạo, triển khai các văn bản đôi lúc còn trễ nên ít nhiều ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổng hợp báo cáo.

- Một số đơn vị triển khai các văn bản, chỉ thị liên quan công tác PCTN, THPT, CLP đến cán bộ công chức, viên chức còn chậm.

a) Hạn chế, khó khăn:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, THPT, CLP tuy được quan tâm và đạt một số hiệu quả nhất định, nhưng xét về yêu cầu vẫn còn một số hạn chế như: hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, thực hiện chưa thường xuyên.

- Công tác kiểm tra, giám sát về PCTN, THPT, CLP chưa sâu sát.

b) Nguyên nhân: Các công chức, viên chức ở các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ tham mưu về công tác về PCTN, THPT, CLP còn làm nhiệm vụ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về công tác này, nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

Trong quá trình triển khai áp dụng các văn bản, quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy vẫn còn bất cập liên quan đến **vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi để phòng chống tham nhũng**, cụ thể như sau:

Theo Phụ lục Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi được ban hành kèm theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ thì vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: **Quản lý động vật thuộc danh mục quý hiếm; Kiểm dịch động vật; Kiểm lâm; Kiểm soát thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, bệnh động vật, gia súc, gia cầm; Theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản.** Qua rà soát và quá trình áp dụng văn bản cho thấy: quy định trên chưa quy định rõ là người làm nhiệm vụ, công việc thuộc lĩnh vực đó hay là người được xếp ngạch Kiểm dịch động vật, Kiểm lâm, ... Vì trên thực tế, những người làm nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên tiếp xúc với dân như kiểm dịch động vật nhưng không phải là kiểm dịch viên; lực lượng quản lý, bảo vệ rừng của các Ban quản lý rừng, không phải là kiểm lâm nhưng làm nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ rừng; các vị trí công tác thực hiện việc thẩm định hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1, Điều 36 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, quy định: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương*”; nhưng đến nay Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa có văn bản thay thế Thông tư số 32/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

Kiến nghị Thanh tra Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm có hướng dẫn rõ ràng để việc chuyển đổi vị trí công tác để phòng ngừa tham nhũng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện đúng quy định và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế.

3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi bị phát hiện hành vi tham nhũng.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Đảng ủy, Ban giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT luôn chú trọng trách nhiệm người đứng đầu để tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên.

Nâng cao chất lượng trong công tác kiểm tra, đánh giá, quy hoạch, kế hoạch tài nguyên rừng, đất rừng gắn với chiến lược bảo vệ, phát triển rừng.

Thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, nắm chắc tình hình, tiến độ và kết quả triển khai thực hiện; đẩy mạnh kiểm tra, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị với địa phương trong tổ chức, triển khai nhiệm vụ của ngành, gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm .

Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ trong công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ ngành; chú trọng công tác cải cách hành chính và các thủ tục hành chính liên quan của ngành.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

Đặng Kim Cương